ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 89 /QĐ-UBND	*Quang Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2023

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 524/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã Quang Sơn về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2023;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2023 xã Quang Sơn.

(Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2: Giao cho ban Tài chính xã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Các ông (bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND, Ban Tài chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q.CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ QUANG SƠN H.ĐỒNG HỶ T.THÁI NGUYÊN

Khúc Kim Quảng

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ QUANG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2023

Căn cứ Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 524/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã Quang Sơn về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2023;

UBND xã Quang Sơn báo cáo ước thực hiện nhiệm vụ 6 tháng năm 2022, như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 6 tháng năm 2023:

1. Thu ngân sách:

Thu ngân sách nhà nước trong cân đối 6 tháng năm 2023 đạt 115.693.675đ/230.000.000đ = 50,3% dự toán; Thu ngân sách xã đạt 7.282.101.488đ/4.635.000.000đ = 157,17% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ như: Thu phí, lệ phí đạt 58,74%, thu thuế phi nông nghiệp đạt: 369,05%, thu khác ngân sách đạt: 201,22% , bên cạnh còn một số các chỉ tiêu thu đạt thấp so với dự toán giao và còn một chỉ tiêu thu thấp như: Thu thuế GTGT đạt 40,56% , thuế thu nhập cá nhân đạt: 33,69%, lệ phí trước bạ thu đạt: 31,84% so với dự toán,

Trong 6 tháng cuối năm xã sẽ rà sát các nguồn thu còn tồn đọng trên địa bàn, thu đúng, thu đủ phấn đấu thu vượt 10% trở lên so với dự toán giao;

2/ Chi ngân sách:

Thực hiện chi 6 tháng năm 2023 là: 4.697.826.708đ/7.570.593.763đ, đạt 62,05% dự toán giao;

Trong đó: - Chi thường xuyên: 2.256.226.708đ/4.454.593.763đ, đạt 50,65%

- Chi đầu tư phát triển: 2.441.600.000đ/3.116.000.000đ, đạt 78,36%

Trong 6 tháng năm 2023 UBND xã Quang Sơn thực hiện các khoản chi ngân sách kịp thời, đảm bảo theo dự toán và các quy định trong quản lý tài chính.

Trên đây là thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán 6 tháng năm 2022 của UBND xã Quang Sơn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q.CHỦ TỊCH

Khúc Kim Quảng

UBND Xã Quang Sơn
Mã QHNS: 1010324

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	**Tổng số thu**	**4.524.000.000**	**7.283.540.470**	**157,18**
1.	**Các khoản thu 100%**	**90.000.000**	**49.509.000**	**55,01**
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**140.000.000**	**66.184.675**	**49,14**
3.	**Thu chuyển nguồn**		**935.753.032**	
4.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.294.000.000**	**6.232.093.763**	**145,13**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.294.000.000	2.148.000.000	50,02
	- Bổ sung có mục tiêu		4.084.093.763	
II.	**Tổng số chi**	**7.570.593.763**	**4.697.826.708**	**62,05**
1.	Chi đầu tư phát triển	3.116.000.000	2.441.600.000	78,36
2.	Chi thường xuyên	4.454.593.763	2.256.226.708	50,65
3.	Dự phòng			

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

UBND Xã Quang Sơn
Mã QHNS: 1010324

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**4.929.000.000**	**4.634.000.000**	**7.476.101.488**	**7.283.540.470**	**151,68**	**157,18**
I. Các khoản thu 100%	**90.000.000**	**90.000.000**	**102.736.408**	**49.509.000**	**114,15**	**55,01**
- Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	32.309.000	32.309.000	58,74	58,74
+ Phí chứng thực			16.253.000	16.253.000		
+ Lệ phí hộ tịch			2.256.000	2.256.000		
+ Lệ phí cư trú						
+ Lệ phí môn bài			13.800.000	13.800.000		
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	35.000.000	35.000.000	70.427.408	17.200.000	201,22	49,14
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**545.000.000**	**140.000.000**	**205.518.285**	**66.184.675**	**37,71**	**47,27**
1. Các khoản thu phân chia	85.000.000	45.000.000	43.926.006	29.189.474	51,68	64,87
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	18.452.741	16.452.841	369,05	329,06
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000.000	40.000.000	25.473.265	12.736.633	31,84	31,84
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	460.000.000	95.000.000	161.592.279	36.995.201	29,29	38,94
- Thuế giá trị gia tăng	95.000.000	95.000.000	38.536.666	36.995.201	40,56	38,94
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.000.000		5.130.006		34,2	

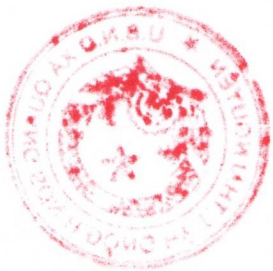

- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	350.000.000		117.925.607		33,69	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			**935.753.032**	**935.753.032**		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**4.294.000.000**	**4.294.000.000**	**6.232.093.763**	**6.232.093.763**	**145,13**	**145,13**
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.294.000.000	4.294.000.000	2.148.000.000	2.148.000.000	50,02	50,02
- Bổ sung có mục tiêu			4.084.093.763	4.084.093.763		

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

UBND Xã Quang Sơn
Mã QHNS: 1010324

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	**7.570.593.763**	**3.116.000.000**	**4.454.593.763**	**4.697.826.708**	**2.441.600.000**	**2.256.226.708**	**62,05**	**78,36**	**50,65**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	522.100.000		522.100.000	340.336.299		340.336.299	65,19		65,19
- Chi dân quân tự vệ	382.093.763		382.093.763	206.292.536		206.292.536	53,99		53,99
- Chi trật tư an toàn xã hội	189.500.000		189.500.000	134.043.763		134.043.763	70,74		70,74
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	41.200.000		41.200.000	20.562.000		20.562.000	49,91		49,91
5. Chi văn hóa, thông tin	1.121.000.000	1.086.000.000	35.000.000	790.620.000	778.700.000	11.920.000	70,53	**71,70**	34,06
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	24.730.000		24.730.000	98,92		98,92
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	62.000.000		62.000.000	13.410.000		13.410.000	21,63		21,63
- Giao thông	1.065.000.000	1.030.000.000	35.000.000	755.400.000	755.400.000		70,93	**73,34**	0,00
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	27.000.000		27.000.000	13.410.000		13.410.000	49,67		49,67
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.566.600.000		3.591.700.000	2.693.648.409		1.786.148.409	75,52		49,73
Trong đó: Quỹ lương				1.459.894.620		1.459.894.620			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.742.145.000	1.000.000.000	1.742.145.000	1.893.281.283	907.500.000	985.781.283	69,04	**90,75**	56,58
10.2. Hội đồng nhân dân	354.300.000		354.300.000	132.594.432		132.594.432	37,42		37,42
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	642.655.000		642.655.000	279.325.976		279.325.976	43,46		43,46
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	239.000.000		239.000.000	122.685.000		122.685.000	51,33		51,33
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	129.000.000		129.000.000	60.400.136		60.400.136	46,82		46,82
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	129.000.000		129.000.000	60.384.646		60.384.646	46,81		46,81

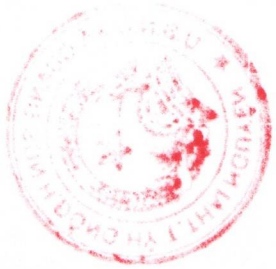

10.7. Hội Cựu chiến binh	88.100.000			88.100.000	16.270.800		16.270.800	18,47	18,47
10.8. Hội Nông dân	141.000.000			141.000.000	64.273.936		64.273.936	45,58	45,58
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	34.100.000			34.100.000	27.966.200		27.966.200	82,01	82,01
10.10. Hội Người cao tuổi	38.100.000			38.100.000	12.328.000		12.328.000	32,36	32,36
10.11. Hội khuyến học	18.100.000			18.100.000	8.046.000		8.046.000	44,45	44,45
10.12. Hội khác (Da cam, người mù)	36.200.000			36.200.000	16.092.000		16.092.000	44,45	44,45
11. Chi cho công tác xã hội	128.100.000			128.100.000	59.120.000		59.120.000	46,15	46,15
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	113.100.000			113.100.000	56.520.000		56.520.000	49,97	49,97
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Khác	15.000.000			15.000.000	2.600.000		2.600.000	17,33	17,33
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 30 tháng 6 năm 2023